






QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã hiệu: QT.PC.04

Lần ban hành: 02

Ngày ban hành: 26/04/2023

QUY TRÌNH
CÔNG BỐ THÔNG TIN

SOẠN THẢO	PHÊ DUYỆT
 Đoàn Thị Thu Thủy Tổng Giám Đốc	  Nguyễn Hùng Cường Chủ Tịch HĐQT



THANH NAM
GROUP

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã hiệu: QT.PC.04

Lần ban hành: 02

Ngày ban hành: 26/04/2023

THEO DÕI SỬA ĐỔI

STT	Lần sửa	Trang	Nội dung sửa đổi	Ngày sửa	Xác nhận thông qua nội dung tài liệu.
1	1	06,10	<ul style="list-style-type: none">- Thay đổi mã số tài liệu từ QT.PCTT.04 thành QT.PC.04- Điều chỉnh lưu đồ việc Công bố thông tin định kỳ- Điều chỉnh lưu đồ việc công bố thông tin bất thường	26/04/2023	<p>Bộ phận: TCKT (Ký và ghi rõ họ tên)</p> <p>Bộ phận: HCNS (Ký và ghi rõ họ tên)</p> <p>Trần Thị Hương Giang Phan Thị Thanh Châu</p>

MỤC LỤC

1.	Mục đích	4
2.	Phạm vi áp dụng	4
3.	Thuật ngữ và viết tắt	4
4.	Tài liệu tham khảo	5
5.	Nội dung quy trình	5
5.1.	Quy trình công bố thông tin định kỳ	5
5.1.1.	<i>Lưu đồ (trang bên)</i>	5
5.1.2.	<i>Diễn giải</i>	7
	Bước 1: Thông báo lịch CBTT.....	7
	Bước 2: Chuẩn bị tài liệu và rà soát pháp lí hồ sơ.....	7
	Bước 3.1. Xem xét, phê duyệt.....	7
	Bước 3.2. Scan hồ sơ CBTT.....	7
	Bước 4. Ký số Offline tài liệu Scan.....	8
	Bước 5: Công bố thông tin trên website.....	8
	Bước 6: Hoàn thiện hồ sơ công bố thông tin (lập mẫu CBTT)	8
	Bước 7: Công bố thông tin	8
	Bước 8: Lưu trữ hồ sơ	9
5.2.	Quy trình công bố thông tin bất thường	10
5.2.1.	<i>Lưu đồ</i>	10
5.2.2.	<i>Diễn giải</i>	10
	Bước 1: Phát sinh sự kiện CBTT.....	10
	Bước 2: Chuẩn bị tài liệu, rà soát pháp lí hồ sơ.....	11
	Bước 3.1. Duyệt & Ký	11
	Bước 3.2. Scan hồ sơ CBTT.....	11
	Bước 4. Ký số Offline	12
	Bước 5: Công bố thông tin trên website.....	12
	Bước 6 : Hoàn thiện hồ sơ CBTT(lập mẫu CBTT).....	12
	Bước 7: Công bố thông tin	12
	Bước 8: Lưu trữ hồ sơ	13
6.	Hồ sơ.....	14

1. Mục đích

- Trình tự thực hiện Công bố thông tin của các công ty thuộc Tập đoàn đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đại chúng hoặc đã đăng ký niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán (Thành phố Hà Nội/ Thành phố Hồ Chí Minh)
- Phân định trách nhiệm của từng cá nhân/ Phòng/ Ban trong Tập đoàn đối với mỗi giai đoạn thực hiện Công bố thông tin.

2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này bắt buộc áp dụng đối với mọi hoạt động công bố thông tin của các Công ty thuộc Tập đoàn.

3. Thuật ngữ và viết tắt

Thuật ngữ/ viết tắt	Định nghĩa
CBTT	Công bố thông tin
IDS	Hệ thống Công bố thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SSC	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
HOSE	Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
HOSE.vn	Hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
VSD	Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
CBTT	Công bố thông tin
Người được UQCBTT	Đầu mối thông báo lịch CBTT/ chịu trách nhiệm CBTT chính/ Không chịu trách nhiệm về nội dung số liệu của Phòng chức năng cung cấp
TGD/ NDUQ	Tổng Giám đốc/ Người được ủy quyền
TCKT	Phòng Tài chính Kế toán
HCNS	Phòng Hành chính Nhân sự
PC	Phòng Pháp chế
TBP	Trưởng bộ phận, cấp trên quản lý trực tiếp
KTT, NLB	Kế toán trưởng/ Người lập biểu mẫu
PL 01	Danh mục biểu mẫu theo quy định
PL 02	Thống kê lịch Công bố thông tin
PL 03	Sự kiện công bố thông tin định kỳ
PL 04	Sự kiện công bố thông tin bất thường
Phòng chức năng	Bộ phận thực hiện nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến số liệu công bố thông tin

Thuật ngữ/ viết tắt	Định nghĩa
Ngày còn hạn cuối cùng	Là ngày cuối cùng phải thực hiện CBTT với VSD, SSC, IDS,
Dữ liệu của kỳ công bố	Là các thông tin sau: - Nhóm báo cáo - Kỳ báo cáo - Loại báo cáo - Trích yếu
Định kỳ	Sự kiện xảy ra định kỳ buộc phải CBTT (Quy định tại Phụ lục 03)
Bất thường	Sự kiện xảy ra bất thường buộc phải CBTT (Quy định tại Phụ lục 04)
Biểu mẫu	Là những biểu mẫu theo quy định của SSC, HOSE

4. Tài liệu tham khảo

- Luật Chứng khoán năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC hướng dẫn nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng do Bộ tài chính ban hành;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

5. Nội dung quy trình

5.1. Quy trình công bố thông tin định kỳ

5.1.1. Lưu đồ (trang bên)

Quy trình công bố thông tin định kỳ

	Người được UQCBTT	Phòng chức năng	Pháp chế	TGD/CT HĐQT	Thời gian	Biểu mẫu
Bước 1	Thông báo lịch CBTT				Trước ngày CBTT 15-20 ngày	BM.01.QT.PC.04
Bước 2		Chuẩn bị tài liệu	Rà soát nội dung pháp lý		Theo Deadline thông báo đã xác nhận	Tra cứu theo PL01
Bước 3		Scan hồ sơ CBTT	Xem xét, phê duyệt		Duyệt 24h trong hạn deadline đăng ký Ký: Trong vòng 8h trong Deadline đã đăng ký Scan hồ sơ: Thực hiện trong thời hạn 8h kể từ thời điểm nhận hồ sơ đã ký trong hạn Deadline	
Bước 4		Ký số Offline tài liệu Scan			2h kể từ thời điểm nhận hồ sơ đã Scan trong hạn deadline	
Bước 5		Công bố thông tin trên Website			3h kể từ thời điểm nhận hồ sơ đã ký số trong hạn Deadline	
Bước 6		Hoàn thiện hồ sơ CBTT			3h kể từ thời điểm CBTT trên Website trong hạn Deadline	Theo mẫu chi tiết tra cứu tại PL03
Bước 7		CBTT			CBTT điện tử: 6h kể từ thời điểm hoàn thiện hồ sơ CBTT CBTT bản cứng: 1h kể từ thời điểm công bố thông tin điện tử Lưu ý: Trong hạn Deadline	
Bước 8		Lưu trữ			8h, kể từ thời điểm CBTT bản cứng, trong hạn Deadline	

5.1.2. Diễn giải

Bước 1: Thông báo lịch CBTT

- Người được UQCBTT căn cứ vào Phụ lục 03 phát hành kèm theo Quy trình này để lập kế hoạch CBTT theo biểu mẫu BM.01.QT.PC.04 gửi cho Phòng chức năng chuẩn bị tài liệu công bố.
- Việc gửi thông báo bắt buộc phải CC (qua email) cho cấp quản lý trực tiếp và BTGD để nắm được tình hình.
- Phòng chức năng phản hồi lại việc đã nhận được kế hoạch CBTT, xác nhận việc sẽ hoàn thiện tài liệu công bố theo deadline hoặc thông báo việc lùi deadline có kèm lý do lùi cụ thể. Trường hợp lý do chính đáng thì Người được UQCBTT phải điều chỉnh lịch CBTT, trường hợp lý do chưa phù hợp thì phải tuân theo lịch CBTT đã được thông báo.
- Phương thức thông báo: Email (gửi form mẫu) và Zalo (nhắc nhở việc đã gửi thông báo)

Bước 2: Chuẩn bị tài liệu và rà soát pháp lý hồ sơ

- Phòng chức năng thực hiện 02 công việc cụ thể:
 - + Hoàn thiện hồ sơ công bố thông tin bằng bản cứng theo quy chuẩn của hồ sơ (Ví dụ: với Báo cáo tài chính thì hoàn thiện hồ sơ theo quy chuẩn kế toán hiện hành...)
 - + Hoàn thiện file dữ liệu công bố thông tin bản mềm theo mẫu biểu đã được thống kê tại Phụ lục 01 và Bộ file tài liệu biểu mẫu phát hành kèm theo Quy trình này.
- Thời gian hoàn thiện: Theo deadline đã quy định/được điều chỉnh tại kế hoạch CBTT.

Bước 3.1. Xem xét, phê duyệt

- Phòng chức năng trình KTT/TBP xét duyệt nội dung hồ sơ CBTT. Trường hợp nội dung chưa phù hợp thì quay lại Bước 2. Trường hợp nội dung đã hoàn thiện thì KTT ký/TBP duyệt để chuyển sang TGD/CT HĐQT ký phát hành, hoàn thiện hồ sơ gửi cho người được UQCBTT.
- Phòng chức năng chịu trách nhiệm trước thông số dữ liệu liên quan đến hồ sơ công bố thông tin.
- Phòng PC chịu trách nhiệm kiểm tra về nội dung khác ngoại trừ những thông số được cung cấp bởi Phòng chức năng.
- Thời gian thực hiện duyệt: 24 giờ, trong thời hạn deadline.
- Thời gian thực hiện ký: 08 giờ, trong thời hạn deadline.

Bước 3.2. Scan hồ sơ CBTT

- Phòng chức năng trực tiếp scan hồ sơ bản cứng, gửi file scan cho phòng TCKT và Pháp chế để thực hiện ký số offline
- Thời gian thực hiện: Việc thực hiện scan hồ sơ CBTT được thực hiện trong thời hạn 08 giờ kể từ thời điểm nhận hồ sơ đã ký, trong thời hạn deadline.

- Phương thức gửi file đi: Gửi bản scan qua email/zalo/viber đồng thời thông báo cho cán bộ TCKT, Pháp chế để thực hiện ký số offline.
- Phương thức nhận file scan: Nhận qua email/zalo/viber

Bước 4. Ký số Offline tài liệu Scan

- Sau khi nhận được hồ sơ bản Scan phòng Pháp chế sẽ kiểm tra và ký số offline, ngoại trừ các báo cáo tài chính và các báo cáo khác liên quan tới TCKT thì phòng TCKT kiểm tra và ký số Offline
- Các hồ sơ sau khi đã được ký số gửi cho người được UQCBTT.

Bước 5: Công bố thông tin trên website

- Người được UQCBTT gửi bản scan tài liệu CBTT cho bộ phận quản lý website đăng tải, thực hiện công bố thông tin trên website của công ty theo đúng thời hạn/deadline yêu cầu.
- Bộ phận quản lý website thực hiện lập bài viết CBTT và gắn tài liệu cần công bố thông tin vào bài viết, thực hiện đăng tải tài liệu lên website.
- Thời gian thực hiện: 03 giờ kể từ khi người được UQ CBTT gửi tài liệu cần thực hiện CBTT.

Bước 6: Hoàn thiện hồ sơ công bố thông tin (lập mẫu CBTT)

- Người được UQCBTT sử dụng mẫu CBTT được HOSE quy định để hoàn thiện thông tin công bố, lưu ý gắn đường link của bài công bố thông tin tại Bước 5 vào mẫu CBTT.
- Người được UQCBTT ký vào mẫu CBTT, đóng dấu treo của Công ty và thực hiện scan tài liệu này nhằm phục vụ bước 7.
- Thời gian thực hiện: 03 giờ kể từ khi thực hiện xong Bước 5.

Bước 7: Công bố thông tin

- **Công bố thông tin điện tử**
 - + Người được UQCBTT thực hiện CBTT tại IDS, HOSE gồm 03 bước:
 - Hoàn thiện thông tin trên hệ thống trước khi nhập dữ liệu: Người được UQCBTT điền các trường dữ liệu của kỳ công bố theo yêu cầu của hệ thống trước khi thực hiện nhập dữ liệu điện tử cần CBTT.
 - Nhập dữ liệu điện tử cần CBTT vào hệ thống: Người được UQCBTT kết hợp cùng nhân sự được giao việc của phòng TCKT để nhập dữ liệu điện tử vào hệ thống IDS, HOSE.
 - Tải tài liệu scan lên hệ thống: Người được ủy quyền CBTT tải tài liệu cần CBTT (file scan đã được ký số offline) lên hệ thống IDS, HOSE.
 - + Sau khi hoàn thành đủ 03 bước nêu trên, Người được UQCBTT chọn nộp hồ sơ. Các trường thông tin nộp sai/sót sẽ được cảnh báo trên hệ thống, Người được UQCBTT cùng nhân sự của phòng TCKT sẽ lưu ý điều chỉnh những nội dung liên

quan để hoàn thành được việc nộp hồ sơ. Kết quả của việc nộp thành công là thông báo “Đã công bố thông tin” trên hệ thống.

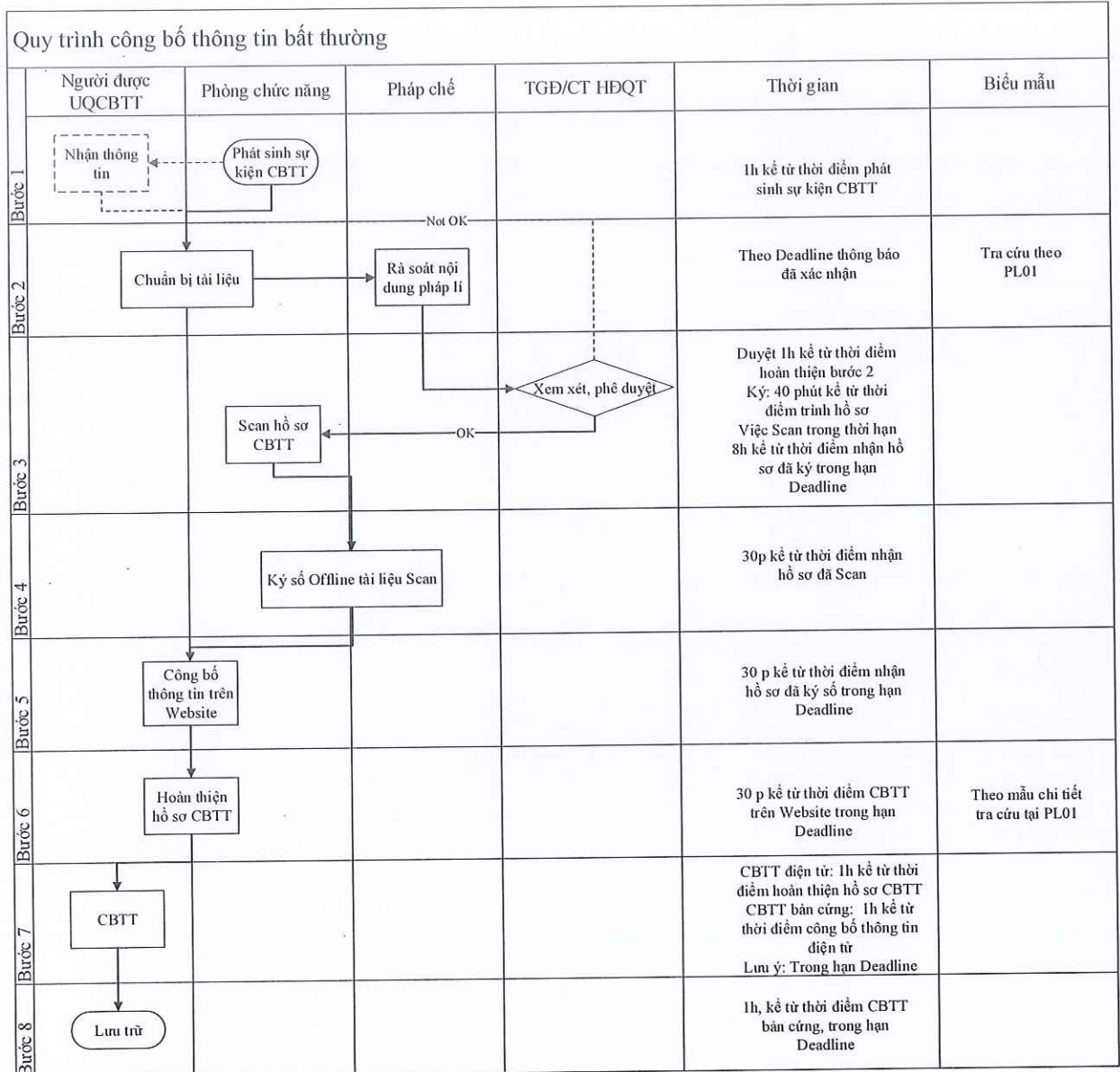
- + Đồng thời với việc CBTT trên hệ thống, Người được UQCBTT gửi file scan các tài liệu CBTT (gồm tài liệu tại Bước 3 và Bước 6) cho chuyên viên quản lý trực tiếp mã chứng khoán của Công ty tại Sàn Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh qua email.
- + Thời gian thực hiện: 06 giờ kể từ thời điểm thực hiện xong Bước 6.
- + Phương thức thực hiện: IDS/HOSE/email của chuyên viên
- **Công bố thông tin bản cứng**
 - + Người được UQCBTT chuẩn bị 02 bộ hồ sơ công bố thông tin gồm (Mẫu CBTT tại Bước 6 và Tài liệu CBTT bản chính tại Bước 3) để gửi tới SSC, HOSE.
 - + Thời hạn thực hiện: 01 giờ, kể từ thời điểm thực hiện xong Bước 6.

Bước 8: Lưu trữ hồ sơ

- Người được UQCBTT thực hiện lưu trữ 01 bộ tài liệu bản cứng như đã chuẩn bị tại Bước 7.
- Thời hạn thực hiện: 08 giờ, kể từ thời điểm thực hiện xong Bước 7.

5.2. Quy trình công bố thông tin bất thường

5.2.1. Lưu đồ



5.2.2. Diễn giải

Bước 1: Phát sinh sự kiện CBTT

- Phòng chức năng đối chiếu sự việc xảy ra với bảng Phụ lục số 04 phát hành kèm Quy trình này để đánh giá sự việc có phải là sự kiện phải CBTT bất thường hay không.
- Kể từ thời điểm xảy ra sự kiện phải CBTT bất thường, Phòng chức năng phải thông báo cho Người được UQCBTT biết sự kiện để phối hợp hoàn thiện hồ sơ công bố thông tin.
- Việc gửi thông báo cần cc email cho cấp quản lý trực tiếp và BGD để nắm được tình hình.
- Người được UQCBTT phản hồi lại việc đã nhận được kế hoạch CBTT, xác nhận việc sẽ thực hiện CBTT bất thường trong thời gian 24h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện CBTT.

- Phương thức thông báo: Email (gửi form mẫu) và Zalo/Viber (nhắc nhở việc đã gửi thông báo)
- Thời gian thực hiện: 01 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện CBTT.
Lưu ý: Trong trường hợp xảy ra sự kiện CBTT mà phòng chức năng không thông báo/ thông báo quá thời hạn (quá 24 giờ kể từ lúc xảy ra sự kiện CBTT) cho Người được UQCBTT biết để triển khai CBTT bất thường thì Phòng chức năng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Công ty/ thực hiện giải trình với SSC, HOSE về việc chậm CBTT/ không CBTT bất thường.

Bước 2: Chuẩn bị tài liệu, rà soát pháp lý hồ sơ

- Phòng chức năng thực hiện các công việc cụ thể:
 - + Hoàn thiện hồ sơ công bố thông tin bằng bản cứng theo quy chuẩn của hồ sơ (Ví dụ: đối với Báo cáo tài chính cần hoàn thiện hồ sơ theo quy chuẩn kế toán hiện hành...)
 - + Hoàn thiện file dữ liệu công bố thông tin bản mềm theo mẫu biểu đã được thống kê tại Phụ lục 01 (nếu có) và Bộ file tài liệu biểu mẫu phát hành kèm theo Quy trình này.
- Thời gian hoàn thiện: 02 giờ kể từ thời điểm được thông báo tại bước 1.

Bước 3.1. Xem xét, Phê duyệt

- Phòng chức năng trình TBP xét duyệt nội dung hồ sơ đã chuẩn bị ở Bước 2. Trường hợp nội dung chưa phù hợp thì quay lại Bước 2. Trường hợp nội dung đã hoàn thiện thì trình TGD/CT HĐQT ký, hoàn thiện hồ sơ gửi cho người được UQCBTT.
- Phòng chức năng chịu trách nhiệm trước thông số dữ liệu liên quan đến hồ sơ công bố thông tin.
- Phòng PC chịu trách nhiệm kiểm tra về nội dung khác ngoại trừ những thông số được cung cấp bởi Phòng chức năng.
- Thời gian thực hiện duyệt: 01 giờ kể từ thời điểm hoàn thiện hồ sơ.
- Thời gian thực hiện ký: 40 phút kể từ thời điểm trình hồ sơ.

Bước 3.2. Scan hồ sơ CBTT

- Phòng chức năng trực tiếp scan hồ sơ bản cứng, gửi file scan cho phòng TCKT và Pháp chế để thực hiện ký số offline
- Thời gian thực hiện: Việc thực hiện scan hồ sơ CBTT được thực hiện trong thời hạn 30p kể từ thời điểm nhận hồ sơ đã ký.
- Phương thức gửi file đi: Gửi bản scan qua email/Zalo đồng thời thông báo cho cán bộ TCKT để thực hiện ký số offline.
- Phương thức nhận file scan: Nhận qua email/zalo/viber.

Bước 4. Ký số Offline

- Sau khi nhận được hồ sơ bản Scan phòng Pháp chế sẽ kiểm tra và ký số offline, ngoại trừ các báo cáo tài chính và các báo cáo khác liên quan tới TCKT thì phòng TCKT kiểm tra và ký số Offline
- Các hồ sơ sau khi đã được ký số gửi cho người được UQCBTT.

Bước 5: Công bố thông tin trên website

- Người được UQCBTT gửi bản scan tài liệu CBTT cho bộ phận quản lý website đăng tải, thực hiện công bố thông tin trên website của công ty theo đúng thời hạn/deadline yêu cầu.
- Bộ phận quản lý website thực hiện lập bài viết CBTT và gắn tài liệu cần công bố thông tin vào bài viết, thực hiện đăng tải tài liệu lên website.
- Thời gian thực hiện: 01 giờ kể từ khi scan xong tài liệu bản cứng.

Bước 6 : Hoàn thiện hồ sơ CBTT(lập mẫu CBTT)

- Người được UQCBTT sử dụng mẫu CBTT được HOSE quy định để hoàn thiện thông tin công bố, lưu ý gắn đường link của bài công bố thông tin ở bước 5 vào mẫu CBTT.
- Người được UQCBTT ký vào mẫu CBTT, đóng dấu treo của Công ty và thực hiện scan tài liệu này nhằm phục vụ Bước 7.
- Thời gian thực hiện: 30 phút kể từ khi thực hiện xong bước 5.

Bước 7: Công bố thông tin

- **Công bố thông tin dạng điện tử**
 - + Người được UQCBTT thực hiện CBTT tại IDS, HOSE.vn gồm các bước:
 - Hoàn thiện thông tin trên hệ thống trước khi nhập dữ liệu: Người được UQCBTT điền các trường dữ liệu của kỳ công bố theo yêu cầu của hệ thống trước khi thực hiện nhập dữ liệu điện tử cần CBTT.
 - Tải tài liệu scan lên hệ thống: Người được ủy quyền CBTT tải tài liệu cần CBTT (file scan đã được ký số offline) lên hệ thống IDS, HOSE.
 - + Sau khi hoàn thành đủ các bước nêu trên, Người được UQCBTT chọn nộp hồ sơ. Các trường thông tin nộp sai/sốt sẽ được cảnh báo trên hệ thống. Kết quả của việc nộp thành công là thông báo “Đã công bố thông tin” trên hệ thống.
 - + Đồng thời với việc CBTT trên hệ thống, Người được UQCBTT gửi file scan các tài liệu CBTT (gồm tài liệu tại Bước 3 và Bước 6) cho chuyên viên quản lý trực tiếp mã chứng khoán của Công ty tại Sàn Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh qua email.
 - + Thời gian thực hiện: 01 giờ kể từ thời điểm thực hiện xong Bước 6.
 - + Phương thức thực hiện: IDS/HOSE/ email của chuyên viên
- **Công bố thông tin bản cứng**
 - + Người được UQCBTT chuẩn bị 02 bộ hồ sơ công bố thông tin gồm (Mẫu CBTT tại Bước 6 và Tài liệu CBTT bản chính tại Bước 3) để gửi tới SSC, HOSE.

+ Thời hạn thực hiện: 01 giờ, kể từ thời điểm thực hiện xong Bước 6.

Bước 8: Lưu trữ hồ sơ

- Người được UQCBTT thực hiện lưu trữ 01 bộ tài liệu bản cứng như đã chuẩn bị tại Bước 7.
- Thời hạn thực hiện: 08 giờ, kể từ thời điểm thực hiện xong Bước 7.

6. Hồ sơ

TT	Mã hiệu	Tên hồ sơ	Bộ phận lưu trữ	Hình thức lưu trữ	Thời hạn lưu trữ	Mức độ bảo mật
1	BM.01.QT.PC.04	Thông báo lịch CBTT	PC	Bản cứng/scan	Theo quy định PL	Nội bộ
2	-	Các tài liệu CBTT liên quan	PC	Bản cứng/scan	Theo quy định PL	Nội bộ

Phụ lục số 01

DANH MỤC BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH CỦA IDS – HOSE – VSD

STT	NỘI DUNG BIỂU MẪU	SỐ
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Khoản 2 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Báo cáo tài chính Quý	Khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC
4	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin của tổ chức cho cá nhân	Phụ lục số 01 Thông tư 96/2020/TT-BTC
5	Giấy ủy quyền thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến giao dịch	Phụ lục 02 Thông tư 96/2020/TT-BTC
6	Bản cung cấp thông tin người nội bộ	Phụ lục 03 Thông tư 96/2020/TT-BTC
7	Báo cáo thường niên	Phụ lục 04 Thông tư 96/2020/TT-BTC
8	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Phụ lục 05 Thông tư 96/2020/TT-BTC
9	Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp	Phụ lục 06 Thông tư 96/2020/TT-BTC
10	Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên, cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng	Phụ lục 07 Thông tư 96/2020/TT-BTC
11	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn/ Nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng.	Phụ lục 08 Thông tư 96/2020/TT-BTC
12	Báo cáo về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng	Phụ lục 09 Thông tư 96/2020/TT-BTC
13	Báo cáo thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng	Phụ lục 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC
14	Thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập	Phụ lục 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC
15	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập	Phụ lục 12 Thông tư 96/2020/TT-BTC
16	Thông báo giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Phụ lục 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC
17	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan	Phụ lục 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC
18	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan	Phụ lục 15 Thông tư 96/2020/TT-BTC
19	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi/ Quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan	Phụ lục 16 Thông tư 96/2020/TT-BTC
20	Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	Phụ lục 1 thông tư 118/2020/TT-BTC

21	Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng	Phụ lục 2 thông tư 118/2020/TT-BTC
22	Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng	Phụ lục 3 thông tư 118/2020/TT-BTC
23	Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Phụ lục 4 thông tư 118/2020/TT-BTC
24	Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng	Phụ lục 5 thông tư 118/2020/TT-BTC
25	Bản cáo bạch chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng của công ty đại chúng	Phụ lục 6 thông tư 118/2020/TT-BTC
26	Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp, công ty đại chúng hình thành sau hợp nhất công ty không thuộc trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp, công ty đại chúng sau tách công ty	Phụ lục 7 thông tư 118/2020/TT-BTC
27	Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp, công ty hình thành sau hợp nhất công ty không thuộc trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp, công ty sau tách công ty	Phụ lục 8 thông tư 118/2020/TT-BTC
28	Bản cáo bạch chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng của công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp, công ty đại chúng hình thành sau hợp nhất công ty không thuộc trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp, công ty đại chúng sau tách công ty	Phụ lục 9 thông tư 118/2020/TT-BTC
29	Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu của công ty đại chúng để chào mua công khai	Phụ lục 10 thông tư 118/2020/TT-BTC
30	Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất	Phụ lục 11 thông tư 118/2020/TT-BTC
31	Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu của công ty đại chúng để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập	Phụ lục 12 thông tư 118/2020/TT-BTC
32	Bản thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng	Phụ lục 13 thông tư 118/2020/TT-BTC
33	Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng	Phụ lục 14 thông tư 118/2020/TT-BTC
34	Bản thông báo phát hành cổ phiếu của công ty đại chúng để chào mua công khai	Phụ lục 15 thông tư 118/2020/TT-BTC
35	Bản thông báo phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập	Phụ lục 16 thông tư 118/2020/TT-BTC
36	Bản thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Phụ lục 17 thông tư 118/2020/TT-BTC
37	Bản thông báo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Phụ lục 18 thông tư 118/2020/TT-BTC
38	Bản thông báo phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền	Phụ lục 19 thông tư 118/2020/TT-BTC
39	Bản thông báo chào mua công khai	Phụ lục 20 thông tư 118/2020/TT-BTC
40	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	Phụ lục 21 thông tư 118/2020/TT-BTC
41	Báo cáo kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng	Phụ lục 22 thông tư 118/2020/TT-BTC
42	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, đợt chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ	Phụ lục 23 thông tư 118/2020/TT-BTC
43	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác, hoán đổi cổ	Phụ lục 24 thông tư 118/2020/TT-BTC

	phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn, hoán đổi nợ	
44	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu của công ty đại chúng để chào mua công khai	Phụ lục 25 thông tư 118/2020/TT-BTC
45	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất	Phụ lục 26 thông tư 118/2020/TT-BTC
46	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập	Phụ lục 27 thông tư 118/2020/TT-BTC
47	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Phụ lục 28 thông tư 118/2020/TT-BTC
48	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Phụ lục 29 thông tư 118/2020/TT-BTC
49	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	Phụ lục 30 thông tư 118/2020/TT-BTC
50	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền	Phụ lục 31 thông tư 118/2020/TT-BTC
51	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra nước ngoài, đợt phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài	Phụ lục 32 thông tư 118/2020/TT-BTC
52	Báo cáo kết quả đợt chào mua công khai	Phụ lục 33 thông tư 118/2020/TT-BTC
53	Bản công bố thông tin về công ty đại chúng	Phụ lục 34 thông tư 118/2020/TT-BTC
54	Báo cáo về việc mua lại cổ phiếu	Phụ lục 35 thông tư 118/2020/TT-BTC
55	Thông báo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ	Phụ lục 36 thông tư 118/2020/TT-BTC
56	Thông báo quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu	Phụ lục 37 thông tư 118/2020/TT-BTC
57	Thông báo thay đổi phương án mua lại cổ phiếu	Phụ lục 38 thông tư 118/2020/TT-BTC
58	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ	Phụ lục 39 thông tư 118/2020/TT-BTC
59	Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán	Mẫu 01/THQ
60	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận thanh toán lãi, gốc công cụ nợ	Mẫu 02A/THQ
61	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận thanh toán lãi/gốc trái phiếu doanh nghiệp	Mẫu 02B/THQ
62	Thông báo của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp xác nhận Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký thực hiện quyền	Mẫu 03/THQ
63	Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cổ đông	Mẫu 07/THQ
64	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận phân bổ quyền bỏ phiếu	Mẫu 08/THQ
65	Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền Đại hội đồng cổ đông	Mẫu 09/THQ
66	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận cổ tức, lợi tức chứng chỉ quỹ bằng tiền	Mẫu 10/THQ
67	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận cổ tức, lợi tức bằng tiền	Mẫu 11/THQ

68	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận phân bổ quyền mua chứng khoán	Mẫu 13/THQ
69	Danh sách nhà đầu tư đặt mua chứng khoán cho khách hàng của TVLK	Mẫu 20/THQ
70	Danh sách người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cổ phiếu	Mẫu 24/THQ
71	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được quyền chuyển đổi trái phiếu	Mẫu 27/THQ
72	Danh sách người sở hữu lưu ký đăng ký chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	Mẫu 32A/THQ
73	Danh sách người sở hữu lưu ký được thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	Mẫu 36/THQ
74	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận cổ tức bằng cổ phiếu/lợi tức bằng chứng chỉ quỹ	Mẫu 37/THQ
75	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận cổ phiếu do tăng cổ phần từ nguồn chủ sở hữu/do TCPH chia thưởng cổ phiếu quỹ	Mẫu 38/THQ
76	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký hoán đổi cổ phiếu	Mẫu 41/THQ
77	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được nhận tiền do doanh nghiệp giải thể/đóng quỹ	Mẫu 44/THQ
78	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được bán cổ phiếu	Mẫu 47/THQ
79	Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký nhận hoàn trả vốn góp	Mẫu 50/THQ
80	Mẫu CBTT tại HOSE (sử dụng được cho SSC)	Mẫu CBTT/SGDHCM-02
81	Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty kỳ báo cáo 6 tháng/năm	Mẫu CBTT/SGDHCM-03
82	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ	Mẫu CBTT/SGDHCM-04
83	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan	Mẫu CBTT/SGDHCM-05
84	Báo cáo thay đổi người có liên quan của người nội bộ	Mẫu CBTT/SGDHCM-06
85	Đăng ký mô hình công ty và loại Báo cáo tài chính	Mẫu CBTT/SGDHCM-07
86	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	Mẫu CBTT/SGDHCM-08
87	Tóm tắt số cổ đông của công ty tại ngày cụ thể để niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập/ niêm yết bổ sung sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ các trường hợp khác	Mẫu CBTT/SGDHCM-09

Phụ lục số 02
LỊCH CÔNG BỐ THÔNG TIN
Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN	
1	Báo cáo tài chính		
	Báo cáo tài chính/ Báo cáo hợp nhất năm đã kiểm toán	Muộn nhất ngày 30/03 hàng năm Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo	
	Báo cáo tài chính bán niên soát xét	Muộn nhất ngày 15/08 hàng năm Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét	
	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý - Quý 4: muộn nhất ngày 30/01 - Quý 1: muộn nhất ngày 30/04 - Quý 2: muộn nhất ngày 30/07 - Quý 3: muộn nhất ngày 30/10	
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty		
	Báo cáo 6 tháng	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm (30/07 hàng năm)	
	Báo cáo năm	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (30/01 hàng năm)	
3	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày CBTT BCTC năm đã được kiểm toán Không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	
4	Đại hội đồng cổ đông thường niên/ Bất thường	Không gia hạn	Có gia hạn
	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ	Trước ngày chốt danh sách 20 ngày	
	Thông báo chốt danh sách dự họp ĐHĐCĐ	Trước ngày chốt danh sách tối thiểu 20 ngày	
	Thư mời họp và tài liệu kèm thư mời họp	Trước ngày dự họp tối thiểu 21 ngày	
	Tài liệu họp tại ĐHĐCĐ	Trước ngày dự họp tối thiểu 21 ngày	
	Biên bản – nghị Quyết ĐHĐCĐ	30/04 hàng năm	30/06 hàng năm

Phụ lục số 03

SỰ KIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	GHI CHÚ
1	Báo cáo tài chính năm	- Sau kiểm toán - Hợp nhất khi có Công ty con
2	Báo cáo tài chính bán niên soát xét	- Sau kiểm toán - Hợp nhất khi có Công ty con
3	Báo cáo tài chính quý	- Không nhất thiết phải kiểm toán - Hợp nhất khi có Công ty con
4	Đại hội đồng cổ đông thường niên/ bất thường	- Tài liệu họp - Tài liệu mời họp
5	Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn	- Hoạt động chào bán riêng lẻ, chào bán ra công chúng - Huy động vốn để thực hiện dự án thì định kỳ 06 tháng phải CBTT về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo. - Theo Điều 19 Thông tư 96/2020/TT-BTC
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	- CBTT về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan

Phụ lục số 04

SỰ KIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
Thông tư 96/2020/TT-BTC

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	GHI CHÚ
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	Điểm a khoản 1 Điều 11
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Điểm b khoản 1 Điều 11
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn	Điểm c khoản 1 điều 11
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	Điểm d khoản 1 điều 11
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Điểm đ khoản 1 điều 11
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	Điểm e khoản 1 điều 11
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Điểm g khoản 1 điều 11
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Điểm h khoản 1 điều 11

9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Điểm i khoản 1 điều 11
10	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi	Điểm k khoản 1 điều 11
11	Quyết định mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Điểm k khoản 1 điều 11
12	Quyết định mua lại cổ phiếu của người lao động hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông	Điểm k khoản 1 điều 11
13	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Điểm l khoản 1 điều 11
14	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất	Điểm m khoản 1 điều 11
15	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Điểm n khoản 1 điều 11
16	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Điểm o khoản 1 điều 11
17	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Điểm p khoản 1 điều 11
18	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Điểm q khoản 1 điều 11
19	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Điểm r khoản 1 điều 11
20	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Điểm s khoản 1 điều 11
19	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	Khoản 4 điều 11
20	Trường hợp đặc biệt khác liên quan đến BCTC và kỳ báo cáo	Khoản 5 điều 11
21	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ); Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Khoản 2 điều 15
22	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc	Điểm a khoản 1 điều 23

	(Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán	
23	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh	Điểm b khoản 1 điều 23
24	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động	Điểm c khoản 1 điều 23
25	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài	Điểm d khoản 1 điều 23
26	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh	Điểm đ khoản 1 điều 23
27	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài	Điểm e khoản 1 điều 23
28	Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng	Điểm g khoản 1 điều 23
29	Khi công ty chứng khoán tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	Điểm h khoản 1 điều 23
30	Khi công ty chứng khoán bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng	Điểm i khoản 1 điều 23